| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ DẦU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2022
V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Tuấn Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tuyển.

2. Ông Hồ Huy Cường.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 5, ấp D, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Lê Hoàng T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 1, ấp BA, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Hoài T trình bày:*

Chị và anh Lê Hoàng T1 chung sống với nhau vào khoảng tháng 10-2014, có tìm hiểu trước khoảng 04 năm, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G vào ngày 02-12-2014. Ngày làm lễ cưới gia đình anh T1 có cho chị nữ trang gồm 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K, 01 tấm lắc tay 03 chỉ vàng 24K, 01 vòng đeo tay 02 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K và 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K. Hiện số nữ trang

này không còn do vợ chồng chị đã bán để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Sau khi cưới vợ chồng chị về nhà cha mẹ chồng của chị tại ấp B, xã P, huyện G sinh sống và làm ăn. Sống bên gia đình chồng được khoảng 01 năm chị sinh con đầu tiên thì vợ chồng chị về nhà cha mẹ ruột của chị tại ấp D, xã H, huyện G để sống cho đến nay.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra cải nhau về vấn đề tiền bạc và kinh tế trong gia đình khó khăn. Anh T1 ham mê cờ bạc với hình thức là đánh bài, đánh bida mà không quan tâm, lo lắng cho gia đình và mọi việc trong gia đình đều do một mình chị phải lo lắng. Anh T1 đi làm thợ hồ nhưng hàng tháng có khi đưa cho chị vào trăm nghìn đồng hoặc 1.000.000 đồng mà không đủ tiền trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Ngoài ra, anh Tuấn còn quen với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài và có nhắn tin qua lại với họ nên bị chị phát hiện. Nhiều lần chị đã khuyên anh T1 bỏ cờ bạc và sống chung thủy nhưng anh T1 vẫn không chịu thay đổi. Đến khoảng tháng 02-2022 anh T1 đi chơi cờ bạc, thế chấp xe honda mà mấy ngày vẫn không chịu về nên khi anh T1 quay về nhà thì vợ chồng chị xảy ra cải nhau và anh T1 tự ý bỏ về nhà cha mẹ chồng sinh sống cho đến nay và vợ chồng chị ly thân từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân cho đến nay vợ chồng chị có gặp mặt nhau vài lần do anh T1 có lên thăm con nhưng anh T1 không nói gì đến việc đoàn tụ gia đình với chị. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 người con tên Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 12-10-2015 và Lê Thị Thúy A, sinh ngày 22-8-2020. Hiện 02 con chung đang sống với chị nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19-7-2022 bị đơn anh Lê Hoàng T1 trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng anh chung sống vào khoảng năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G.

Về hôn nhân: Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng anh không hợp tính tình mà hay xảy ra cải nhau và anh cũng có cờ bạc dưới hình thức là đánh bài nhưng anh chỉ chơi vui vẻ với hàng xóm. Khoảng đầu năm 2022 anh đi chơi đánh bạc vui vài ngày Tết mà không có về nhà nên vợ anh gọi điện thoại kêu về và mãi đến mấy ngày sau anh mới quay về nhà thì vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, anh bỏ nhà vợ để về nhà cha mẹ của anh sống cho đến nay và vợ chồng anh ly thân từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân anh có vài lần lên thăm vợ con và xin đoàn tụ gia đình nhưng chị T không đồng ý. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T mà anh yêu cầu được đoàn tụ vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con tên Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 12-10-2015 và Lê Thị Thúy A, sinh ngày 22-8-2020. Hiện các con đang sống với chị T và vẫn phát triển bình thường mà không có ảnh hưởng gì đến sức khỏe của các con. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, anh đồng ý giao cháu A cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A với mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A thành niên và có khả năng lao động được. Nếu Tòa án quyết định giao 02 con chung cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng thì anh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1; về con chung: Giao cho chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 12-10-2015 và cháu Lê Thị Thúy A, sinh ngày 22-8-2020, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:*

Chị T và anh T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G ngày 02-12-2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thì thấy: Chị T cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị chủ yếu phát sinh từ việc vợ chồng chị hay xảy ra cải nhau về vấn đề tiền bạc và kinh tế trong gia đình khó khăn. Anh T1 không quan tâm, lo lắng và chăm sóc cho gia đình mà lại ham mê cờ bạc, không phụ giúp chị lo cho gia đình và mọi việc trong gia đình đều do một mình chị phải chịu trách nhiệm gánh vác. Bênh cạnh đó, anh T1 lại có mối quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài và bị chị phát hiện thông qua việc nhắn tin qua lại với nhau. Nhiều lần chị đã khuyên

nhưng anh T1 không thay đổi mà vẫn ham mê cờ bạc và bỏ nhà đi mấy ngày mới chịu về nhà. Ngược lại, anh T1 thừa nhận là vợ chồng anh xảy ra cải nhau do không hợp tính tình, anh cũng có cờ bạc dưới hình thức là đánh bài và vợ anh đã khuyên nhiều lần, nhưng đầu năm 2022 anh có đi chơi đánh bài vui vài ngày Tết mà không về nhà nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh bỏ nhà vợ để về nhà cha mẹ của anh sống cho đến nay và vợ chồng anh ly thân nhau từ thời gian này. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh T1 không đến mà lại làm đơn xin giải quyết vắng mặt, chứng tỏ anh Tuấn đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng anh và không có thiện chí được đoàn tụ với chị T. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 12-10-2015 và Lê Thị Thúy A, sinh ngày 22-8-2020. Hiện 02 con đang sống với chị T nên chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, anh T1 lại yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, anh đồng ý giao cháu A cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và anh T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A với mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Nếu Tòa án giao 02 con cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng thì anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Xét thấy, kể từ ngày anh chị ly thân cho đến nay 02 con vẫn được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh T1 xác định là chị T nuôi 02 con vẫn phát triển bình thường, không ảnh hưởng gì đến sức khỏe của các con và nhằm mục đích để ổn định về mặt tâm lý, sinh hoạt của 02 con nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận theo yêu cầu của chị T và quyết định tiếp tục giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là có căn cứ và phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tuấn phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

*[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:*

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị T phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hoài T đối với anh Lê Hoàng T1. Chị T được ly hôn với anh T1.

**2.** Về con chung:

Giao cho chị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 12-10-2015 và cháu Lê Thị Thúy A, sinh ngày 22-8-2020. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024232 ngày 18-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

**5.** Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**6.** Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Tuấn Anh**